



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016




MỤC LỤC


TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	4
CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN.....	5
MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	7
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT	8
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG	9
NĂNG LỰC QUẢN TRỊ	13
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
BAN KIỂM SOÁT	15
BAN ĐIỀU HÀNH	15
ÔNG PHAN THÀNH ĐỨC	15
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG.....	16
DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	16
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT	17
TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU:.....	17
NGUỒN NHÂN LỰC	19
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	22
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	23
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	25


Tên doanh nghiệp: : CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG


Mã số thuế : 3700769438


Năm thành lập : 1989

 : 0650.3755413

 : 0650.3755415

 : info@protradegarment.com

 : Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

 : <http://www.protradegarment.com>

Giấy chứng nhận đăng ký số : 3700769438

Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 120.000.000.000 đồng

Mã cổ phiếu : BDG

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất quần áo may sẵn

Thị trường : Mỹ, Châu Âu

Chứng chỉ quốc tế : ISO 9001:2008, SA 8000:2008, WRAP, GSV

Sản phẩm chính: : Quần jeans, áo sơ mi

Nhãn hiệu công ty sản xuất : OLYMP, ROCK REVIVAL, MISS ME, PERRY ELLIS

Công ty liên kết: : Công ty cổ phần gia công Hoàn thiện may mặc Bình Dương (29,8% vốn)

SỨ MỆNH : Mang đến lợi ích cho khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất. Công ty lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ và hành động.

Mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư bằng tri thức và tính chính trực của Công ty.

TÂM NHÌN Trở thành công ty dệt may hàng đầu tại Việt Nam, nơi mà khách hàng đặt trọn niềm tin về chất lượng và kiểu dáng.

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương là công ty may mặc chuyên nghiệp có uy tín và được đánh giá tốt trong ngành may mặc tại Việt Nam.

Tiền thân của Công ty cổ phần May mặc Bình Dương là Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương 100% vốn nhà nước được thành lập vào tháng 11/1989.



Thời gian đầu Công ty chỉ có 02 phân xưởng chuyên may gia công hai mặt hàng là áo jacket và hàng thun. Với chính sách mở cửa kinh tế năm 1986, cùng với quá trình hoạt động có hiệu quả, Công ty đã mở rộng quy mô sản xuất và tạo được uy tín trên thương trường quốc tế.

Qua 28 năm hình thành và phát triển, Công ty đã có một nền tảng mạnh mẽ với đội ngũ nhân viên hơn 2400 người nhiệt tình, sáng tạo và chuyên nghiệp với uy tín ngày càng được nâng cao. Công ty đặt trọng tâm vào việc liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm

để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

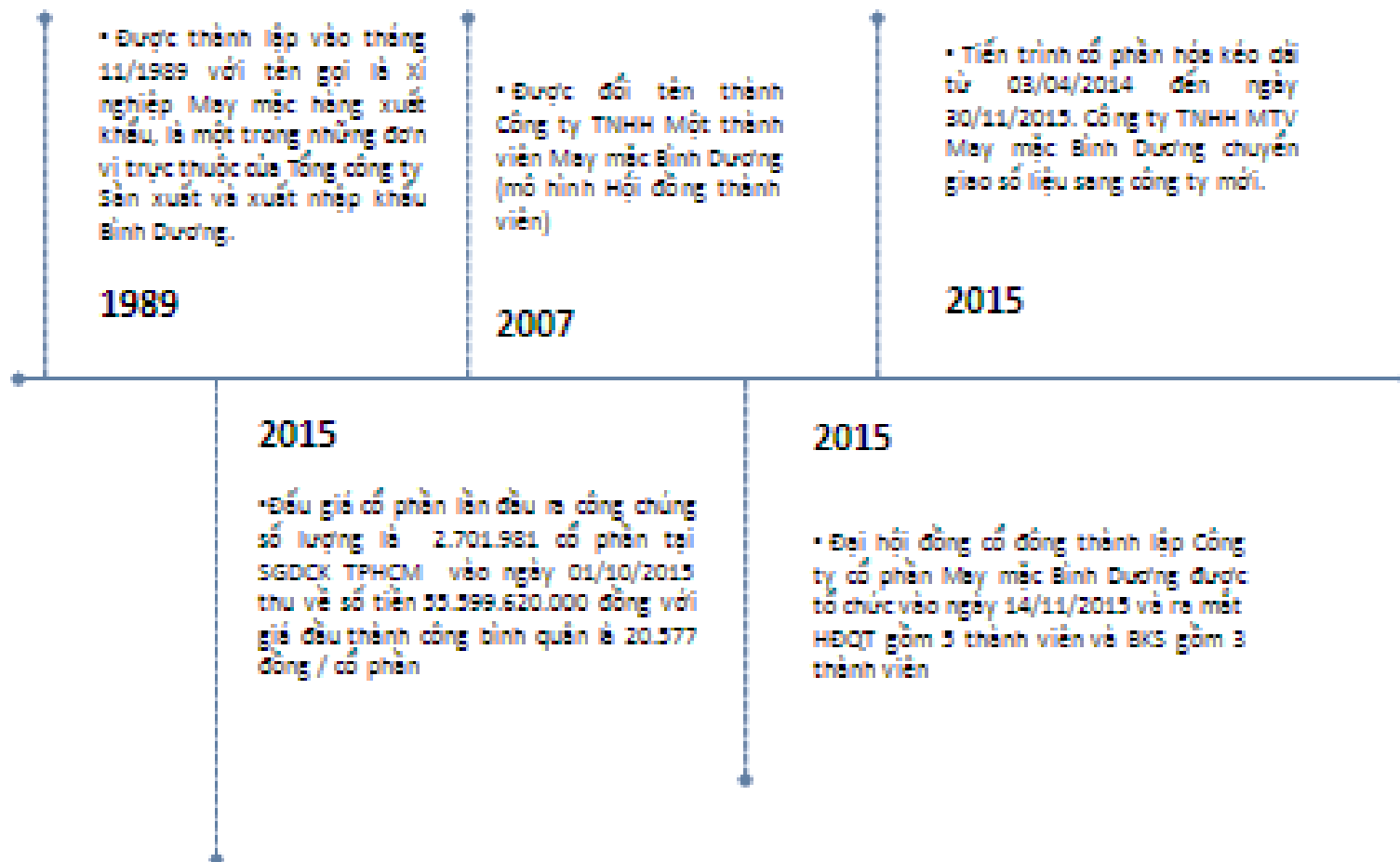
Ngày 06 tháng 04 năm 2016 Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Sàn UPCOM của Sở

giao dịch chứng khoán Hà Nội mã chứng khoán là BDG.



Với tinh thần làm việc nỗ lực và sáng tạo, tập thể công ty đã tạo ra bước đột phá về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong năm 2016.

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN



MỤC TIÊU NĂM 2017

Tiếp tục triển khai xây dựng nhà máy wash để tăng tính cạnh tranh.

Phát triển khách hàng mới đặc biệt chú trọng khách hàng Châu Âu.

Ứng dụng phần mềm để quản lý hiệu quả hơn.

Tăng cường nhiều giải pháp để nâng cao năng suất nhằm tăng thu nhập của công nhân đồng thời công ty đạt được lợi nhuận cao hơn.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực

Liên chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.



Tôn trọng

Tôn trọng công ty, tôn trọng đối tác, tôn trọng đồng nghiệp. Hợp tác trong sự tôn trọng



Công bằng

Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.



Đạo đức

Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức



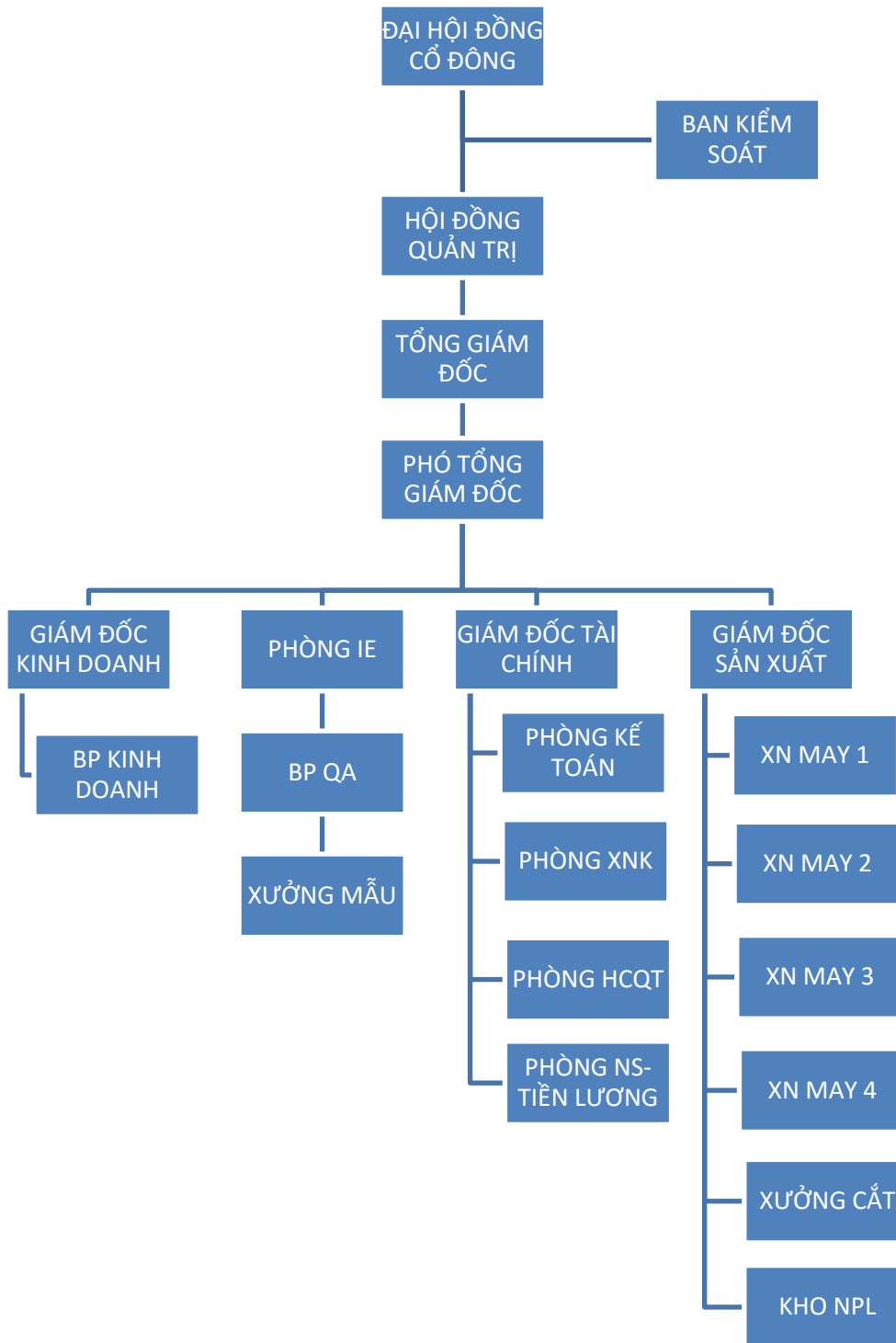
Tuân thủ

Tuân thủ luật pháp, Bộ quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.



MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Kết quả hoạt động kinh doanh (triệu đồng)					
Doanh thu thuần	840.206	1.095.258	1.206.688	1.196.079	1.481.299
Giá vốn hàng bán	737.568	996.595	1.115.666	1.091.888	1.292.883
Lợi nhuận gộp	102.637	98.663	91.022	104.191	188.416
Doanh thu hoạt động TC	6.717	2.314	13.204	18.236	16.877
Chi phí hoạt động tài chính	15.264	13.294	23.940	35.868	17.010
Chi phí bán hàng	46.400	41.265	35.479	26.692	15.144
Chi phí quản lý DN	37.299	36.153	36.044	49.083	84.896
Lợi nhuận thuần	10.391	10.266	8.762	10.783	88.243
Lợi nhuận khác	3.238	3.818	5.606	4.346	3.689
Lợi nhuận trước thuế	13.629	14.085	14.368	15.130	91.933
Lợi nhuận sau thuế	10.790	10.608	11.280	11.950	73.413
Bảng cân đối kế toán (triệu đồng)					
Tổng tài sản	426.474	671.754	510.695	606.495	504.934
Vốn điều lệ	58.000	58.000	58.000	58.000	120.000
Vốn chủ sở hữu	85.446	86.198	87.602	120.130	175.543
Các chỉ tiêu tài chính					
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROA)	2,62%	1,93%	1,91%	2,14%	13,15%
Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư	18,6%	18,28%	19,44%	13,43%	60,89%
Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu					
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành					12.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND					6.118
Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu					14.622
Cổ tức-VNĐ					3.500
Giá thị trường thời điểm cuối năm					34.000
P/E					22,6

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG

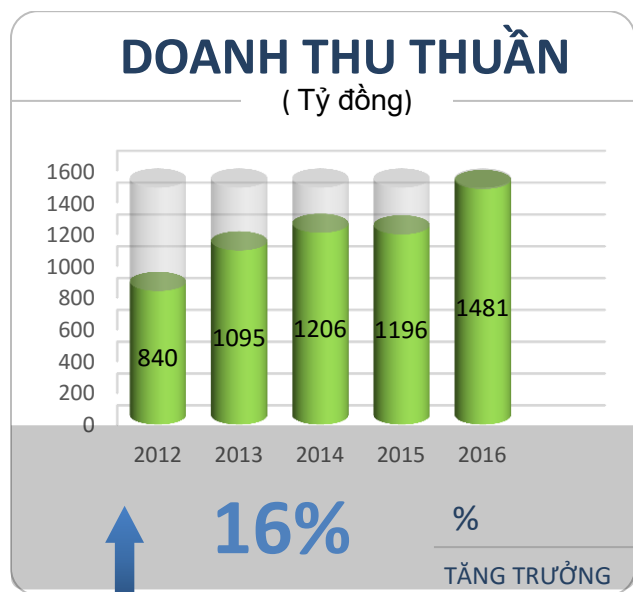
• Doanh thu:

- Doanh thu thuần đạt được trong kỳ là 1.481 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Doanh thu xuất khẩu chiếm 98% trên tổng doanh thu với kim ngạch là 65,4 triệu usd, doanh thu nội địa chiếm 2%.

- Khách hàng Rock và Miss Me chiếm 60% trên tổng doanh số xuất khẩu, kế đến là khách hàng Olymp chiếm 25%, Pac Sun chiếm 9%.

- Hàng FOB chiếm tỷ trọng 98% trên tổng doanh thu, còn lại là doanh thu gia công và doanh thu khác.



- Tình hình thị trường của Công ty trong năm 2016 vẫn duy trì ổn định, các khách hàng truyền thống như Olymp, Rock, Miss Me, Pac sun đặt

hàng đúng cam kết. Tỷ trọng doanh thu chủ yếu từ xuất khẩu chiếm 98% tổng doanh thu trong đó thị trường Mỹ chiếm 71%, EU chiếm 29% . Trong năm, Công ty đã tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng mới như Goldmark, Phoenix.

• Chi phí

- Giá vốn hàng bán: Tổng giá vốn là 1.292,8 tỷ trong đó giá vốn của thành phẩm đã bán là 1.292,2 tỷ, giá vốn khác là 608 triệu đồng. Tỷ lệ giá vốn trên doanh thu năm 2016 là 87%, tỷ lệ giá vốn trên doanh thu năm 2015 là 91%.

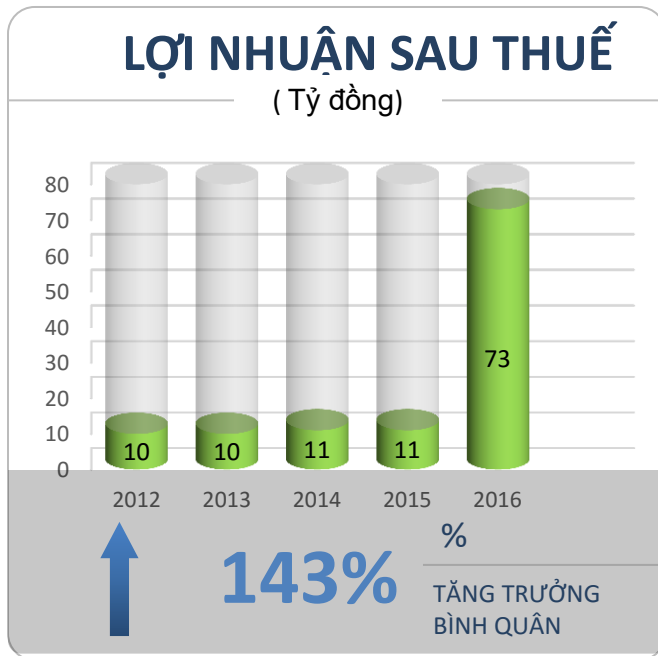
- Chi phí tài chính: chi phí lãi vay là 5,3 tỷ đồng, trong năm công ty vay vốn bằng tiền USD tại 3 ngân hàng là NHTMCP Công thương Việt Nam-CN TPHCM, NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Bình Dương, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương với lãi suất bình quân từ 1,8% đến 2%

- Chi phí bán hàng: Tổng chi phí bán hàng là 15,1 tỷ đồng trong đó chi phí bao bì là 5,8 tỷ đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí xuất nhập khẩu, chi phí ngân hàng, cước chuyển phát nhanh là 9,3 tỷ đồng. Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu thuần năm 2016 là 1%, tỷ lệ của năm 2015 là 2%

- Chi phí quản lý: Tổng chi phí quản lý là 84,8 tỷ trong đó chi phí nhân công là 39,7 tỷ bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của khối gián tiếp và khoản dự phòng quỹ tiền lương 22 tỷ đồng, các khoản chi phí khác là 45,1 tỷ trong đó tiền lương tháng 13 là 33,4 tỷ

đồng, phân bổ lợi thế kinh doanh 5,77 tỷ. Tỷ lệ chi phí quản lý trên doanh thu thuần năm 2016 là 5,7 %, tỷ lệ của năm 2015 là 4%. Tỷ lệ tăng do năm 2016 có trích lập khoản dự phòng quỹ tiền lương 22 tỷ và phân bổ lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa.

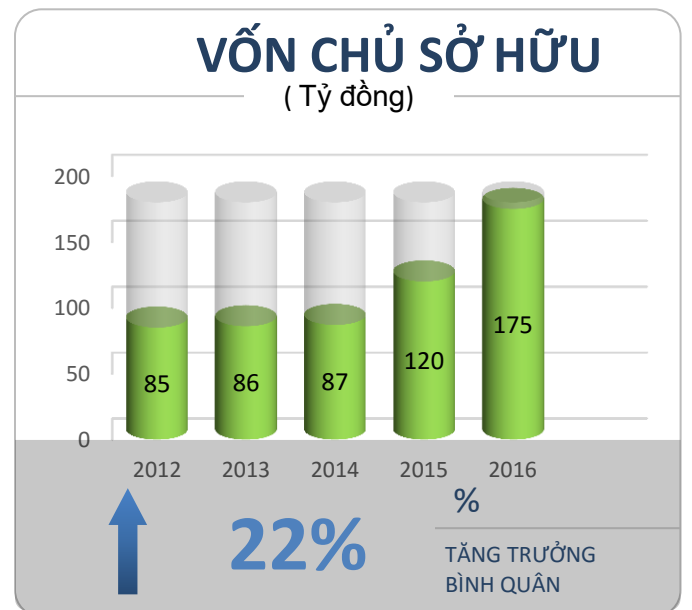
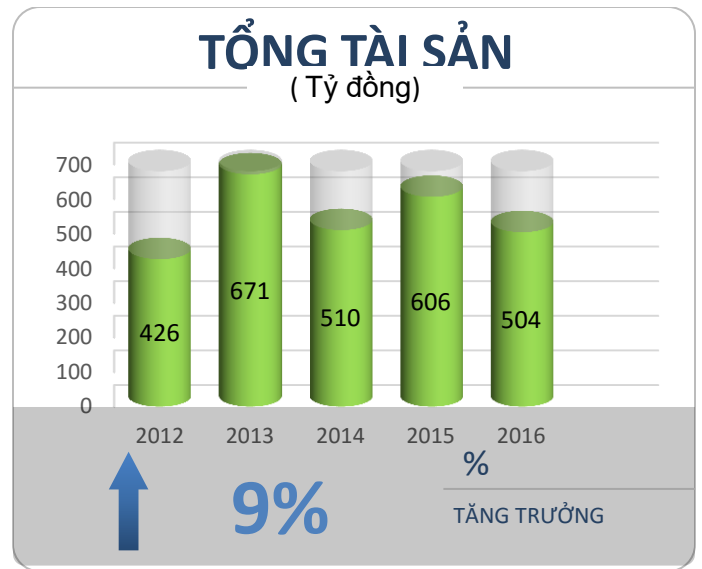
- **Lợi nhuận**



- Lợi nhuận trước thuế TNDN là 91,9 tỷ đồng, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp là 18,6 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế TNDN là 73,4 tỷ đồng.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 6.089 đồng, đạt 206% kế hoạch.

- Cổ tức dự kiến chi trả 35% / vốn điều lệ, tăng 175% so với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015 đề ra.



- Nhằm tạo môi trường làm việc tốt hơn cho nhân viên, Công ty đã cải tạo Văn phòng chính, văn phòng làm việc của các Xí nghiệp, sơn sửa đại tu nhà xưởng, cải tạo và làm mới nhà vệ sinh của các xưởng. Tổng chi phí cải tạo là 5,4 tỷ đồng. Đầu tư máy móc thiết bị là 9,7 tỷ đồng trong đó đầu tư 1 máy cắt tự động Gerber trị giá 3,7 tỷ.

Chỉ số hoạt động chính

CÁC CHỈ SỐ CHÍNH	Năm 2016	Năm 2015
Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản, nguồn vốn		
Tài sản dài hạn / tổng tài sản	24,7%	12,8%
Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	75,2%	87,1%
Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	65,3%	80,1%
Hệ số tự tài trợ	34,7%	19,8%
Nợ ngắn hạn/ tổng nguồn vốn	65,3%	80,1%
Nợ dài hạn/ tổng nguồn vốn	0,01%	0,03%
Nợ dài hạn/ nguồn vốn chủ sở hữu	0,02%	0,13%
Nợ phải trả/ vốn cổ phần	274,7%	405,3%
Nợ phải trả / nguồn vốn chủ sở hữu	188,2%	404,8%
Nợ phải trả/ tổng tài sản	65,3%	80,1%
Khả năng thanh toán		
Tỷ lệ thanh toán tổng quát	1,53	1,25
Tỷ lệ thanh toán hiện hành	1,15	1,09
Tỷ lệ thanh toán nhanh	0,72	0,68
Tỷ lệ thanh toán tức thời	0,39	0,07
Chỉ số sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu	4,95%	1,00%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	12,42%	8,71%
Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư	60,89%	13,43%
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận	511,32%	5,96%
Chỉ số hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	8,01	4,88
Vòng quay khoản phải trả	18,29	16,66

CÁC CHỈ SỐ CHÍNH	Năm 2016	Năm 2015
Vòng quay hàng tồn kho	7,59	5,63
Vòng quay vốn lưu động	3,62	2,63
Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	2,66	2,14
Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu	10,00	11,43



NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

ÔNG VÕ HỒNG CƯỜNG

- Chủ tịch HĐQT-Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 12 tháng

Tuổi: 52 tuổi

Học vấn: Trung cấp mỹ thuật – thiết kế gỗ

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác:

Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hưng Vương

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bệnh viện phụ sản Nhi quốc tế Hạnh phúc



BÀ PHẠM THỊ VƯƠNG

- Phó Chủ tịch HĐQT-Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 12 tháng

Tuổi: 61 tuổi

Học vấn: Cử nhân ngoại thương

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Phó chủ tịch HĐQT

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác:

Tổng giám đốc Công ty TNHH Thương mại Việt Vương



ÔNG TRẦN NGUYỄN VŨ

- Thành viên HĐQT-Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 12 tháng

Tuổi: 40 tuổi

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác:

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty SX-XNK Bình Dương
TNHH MTV



ÔNG PHAN THÀNH ĐỨC

- Thành viên HĐQT – Kiêm Tổng giám đốc Công ty

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 12 tháng

Tuổi: 46 tuổi

Học vấn: Thạc sỹ kinh tế

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Tổng giám đốc

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Xây
dựng 3-2

Tại công ty khác:

Không



BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC THANH

- Thành viên HĐQT-Kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 12 tháng

Tuổi: 47 tuổi

Học vấn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Phó Tổng giám đốc

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác:

Không



ÔNG NGUYỄN HOÀNG THANH

- Thư ký HĐQT

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 14/11/2015
Thời gian bổ nhiệm: 12 tháng
Tuổi: 26 tuổi
Học vấn: Cử nhân Tiếng anh Thương mại

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thư ký HĐQT
Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Không



BAN KIỂM SOÁT

ÔNG HỨA TUẤN CƯỜNG

- Trưởng BKS

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 14/11/2015
Thời gian bổ nhiệm: 12 tháng
Tuổi: 38 tuổi
Học vấn: Tiến sỹ kinh tế

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Trưởng BKS
Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Giám đốc NHTMCP Sài Gòn-Công thương – CN Bến Nghé



BÀ HUỲNH THỊ MỸ HẠNH

- Thành viên BKS

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 14/11/2015
Thời gian bổ nhiệm: 12 tháng
Tuổi: 46 tuổi
Học vấn: Cử nhân kinh tế

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên BKS
Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
Công ty TNHH Thương mại Việt Vương.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU TẠI NGÀY 22/03/2017	
			Số lượng	Tỷ lệ
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
2	Võ Hồng Cường	Chủ tịch HĐQT	-	-
3	Phạm Thị Vượng	Phó chủ tịch HĐQT	-	-
4	Trần Nguyên Vũ	Thành viên HĐQT	-	-
5	Phan Thành Đức	Thành viên HĐQT	7.300	0,06%
6	Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên HĐQT	292.900	2,43%
	Tổng cộng		300.200	2,49%
B	BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Phan Thành Đức	Tổng giám đốc	Giống phần A5	
2	Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng giám đốc	Giống phần A6	
C	BAN KIỂM SOÁT			
1	Hứa Tuấn Cường	Trưởng BKS	1.200.000	10%
2	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	-	-
	Tổng cộng		1.200.000	10%
D	Giám đốc tài chính – Kế toán trưởng – Người được ủy quyền CBTT			
1	Nguyễn Xuân Quân	Giám đốc tài chính	6.200	0,05%
2	Đoàn Thị Kim Ngân	Kế toán trưởng	31.000	0,25%
3	Nguyễn Hoàng Thanh	Người được UQCBTT	-	-
	Tổng cộng		37.200	0,30%
	Tổng cộng		1.537.400	12,79%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	TỶ LỆ ĐẠI DIỆN (%)	CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
A. Cổ đông nhà nước					
1	Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương Người đại diện	5.866.819	48,89%		-
TỔNG CỘNG A:		5.866.819	48,89%		
B. Cổ đông lớn					
2	Công ty TNHH TM Việt Vương	3.600.000	30,00%		2.640.000
2.1	Phạm Thị Vượng	3.600.000	-	30,00%	-
3	Hứa Tuấn Cường	1.200.000	10,00%		
TỔNG CỘNG B:		4.800.000	40,00%		
TỔNG CỘNG (A+B):		9.466.819	88,89%		

TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU:

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	5.866.819	48,89%	1	1	-
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	4.800.000	40,00%	2	1	1
3	Các cổ đông khác	1.333.181	11,11%	147	-	147
TỔNG CỘNG:		12.000.000	100,00%	150	2	148

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần:	12.000.000
Loại cổ phần đang lưu hành:	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	VND 10.000/cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ:	0
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	12.000.000
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	2.703.700



NGUỒN NHÂN LỰC



Tổng nhân sự: 2.310 người.

Trong đó:	Văn phòng:	144 người
	Xí nghiệp may:	1.796 người
	Xưởng Cắt:	207 người
	Xưởng mẫu:	103 người
	Kho:	55 người
	Ban giám đốc:	5 người

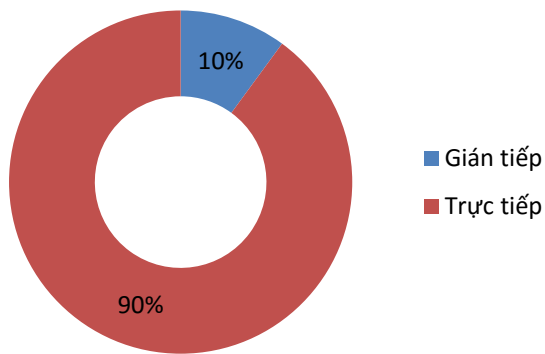
Môi trường làm việc:

Công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc thân thiện, công khai và minh bạch, trân trọng ghi nhận những ý kiến đóng góp của nhân viên, chia sẻ các lo ngại cũng như kỳ vọng về tương lai nghề nghiệp.

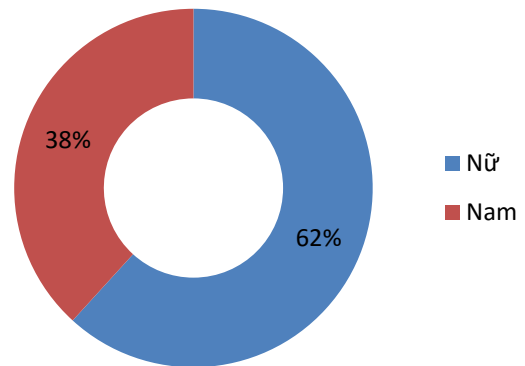
Cam kết của công ty về quyền tự do thành lập Công đoàn, hợp tác với Công đoàn để giải quyết các vấn đề trọng yếu liên quan đến người lao động một cách tích cực, mang tính xây dựng phát triển lâu dài.



THEO BỘ PHẬN



THEO GIỚI TÍNH



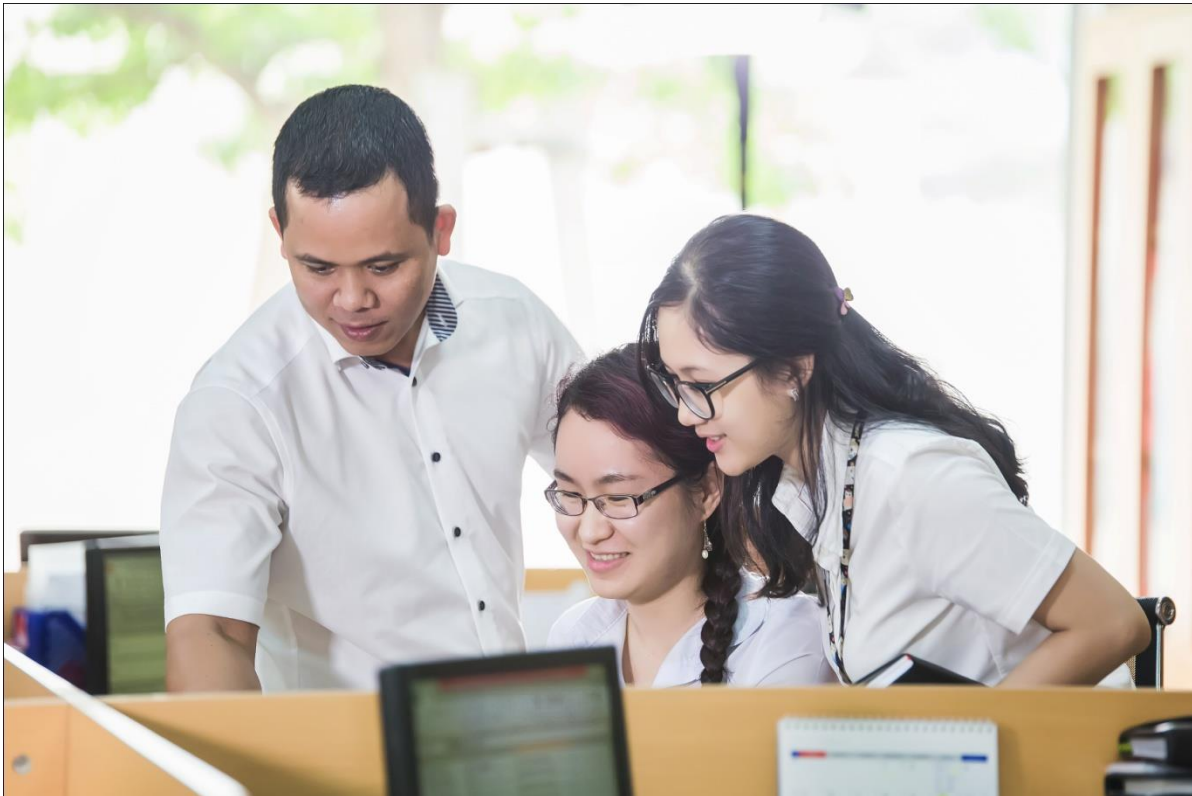
Phúc lợi nhân viên:

Công ty thực hiện đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Để nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, công ty tổ chức các chương trình du lịch, nghỉ mát, chơi thể thao và sinh hoạt cộng đồng cho CNV, tham gia các chương trình văn hóa thể thao nổi bật của Tỉnh Bình Dương... Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các sự kiện như Ngày hội 8/3, Ngày Quốc tế thiếu nhi, Đêm hội trăng rằm ... để góp phần đem niềm vui đến cho người lao động.

Công ty có nhiều chính sách phúc lợi nhằm phục vụ cho đời sống của công nhân viên tốt nhất như nhà ở cho CNV độc thân, trường mầm non cho con của CVN, xe đưa rước CVN về quê ăn Tết, xây nhà tình thương cho CBCNV khó khăn, đóng góp hỗ trợ tập thể cho các trường hợp ốm đau...

Bảng tóm tắt các chi phí lương thưởng mà Công ty đã sử dụng cho CNV như sau:

Diễn giải	VND
Lương, thưởng	225.420.577.461
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	23.304.541.686
Bảo hiểm tai nạn	84.12.000
Tổng số	248.809.231.147



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 đã hoàn thành các mục tiêu đề ra. Doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch và tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2015. Kết quả cho thấy nỗ lực của Ban lãnh đạo, công nhân viên công ty trong việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo các mục tiêu kế hoạch, cụ thể:

- Doanh thu năm 2016 là 1.481 tỷ, đạt 108% so với kế hoạch năm, tăng 24% so với năm 2015 (số liệu so sánh 13 tháng 2016 so với 11 tháng 2015).
- Lợi nhuận trước thuế là 91,9 tỷ, đạt 207% so với kế hoạch, tăng 608% so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế là 73 tỷ, đạt 206% kế hoạch, tăng 611% so với năm 2015. Lợi nhuận tăng cao so với năm trước là do gộp tháng 12 năm 2015 vào năm 2016 và do công ty sắp xếp lại bộ máy quản lý gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí lao động, kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh hàng FOB từ giá cả đầu ra cho tới nguyên phụ liệu tiêu hao, tăng tỉ lệ xuất hàng, thay đổi một số phương pháp quản lý hiệu quả hơn.
- Tổng tài sản tại thời điểm 30/06/2016 là 504 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn là 380 tỷ, tài sản dài hạn là 124 tỷ.
- Tình hình công nợ đến ngày 31/12/2016 là: công nợ phải thu 86 tỷ, Trong kỳ không phát sinh khoản nợ khó đòi cần phải lập dự phòng. Công nợ phải trả người bán là 63,6 tỷ, nợ vay ngân hàng là 188,7 tỷ.

Công tác quản lý: Kết quả trong công tác quản lý là hiệu quả hoạt động của Công ty tăng rõ rệt trong năm 2016.

Công tác nhân sự: Đã triển khai bố trí và cơ cấu nhân sự đúng người đúng việc, triển khai giao mục tiêu và đánh giá hiệu quả công việc, điều động nhân sự theo năng lực. Xây dựng quy chế tiền lương hợp lý cho CN trực tiếp, xây dựng yêu cầu công việc chi tiết và chấm điểm để xác định mức lương hợp lý cho khối gián tiếp bảo đảm trả lương theo năng lực của nhân viên.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm, HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện các vấn đề theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015. Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm đạt và vượt kế hoạch đã đề ra. Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm về quản trị công ty, luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đăng ký giao dịch.

Năm 2016 là năm đầu tiên HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản trị công ty, trước tiên HĐQT đã nghiên cứu cơ cấu lại tổ chức công ty, bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao như Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc Nhân sự - Hành chính, Giám đốc sản xuất, Kế toán trưởng. Sau đó là các chức danh quản lý cấp trung là Giám đốc các xí nghiệp, Trưởng phòng ban. Thông qua Đề án điều chỉnh tiền lương năm 2016 theo hướng đánh giá đúng năng lực của từng người để phân công công việc hợp lý và trả mức lương xứng đáng, ban hành Quy chế xét thưởng cho Quản lý cấp chuyên tổ.

Để quản trị công ty đạt được hiệu quả cao nhất, HĐQT đã thống nhất thông qua Quy chế quản trị Công ty, Quy chế chi tiêu nội bộ để kiểm soát các khoản chi phí phát sinh trong nội bộ công ty, Quy chế đầu tư tài sản cố định và Quy chế mua nguyên phụ liệu.

HĐQT đã thống nhất đầu tư vào dự án nhà máy Wash để tự chủ hơn về sản xuất và xuất hàng, đồng thời nâng cao vị thế công ty trong công tác marketing, tạo ra thế mạnh trong chuỗi liên kết may và wash để tiếp cận các khách hàng mới theo xu hướng của ngành may mặc.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc công ty và các cán bộ quản lý thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng. Các báo cáo đều chi tiết, đầy đủ, kịp thời về tiến độ thực hiện, về định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng của HĐQT. Qua đó HĐQT nắm bắt được tình hình của công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, để đạt được kết quả theo kỳ vọng.

Trong hoạt động điều hành, Ban Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được Tổng giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch. HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý, phấn đấu hết mình để hoàn thành mục tiêu chung.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV may mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 1 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất quần áo may sẵn.



Công ty có trụ sở chính tại số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch	Ngày 14/11/2015
Bà Phạm Thị Vượng	Phó chủ tịch	Ngày 14/11/2015

Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên	Ngày 14/11/2015
Ông Phan Thành Đức	Thành viên	Ngày 14/11/2015
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên	Ngày 14/11/2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng ban	Ngày 14/11/2015
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	Ngày 14/11/2015
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/11/2015, miễn nhiệm ngày 08/04/2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban tổng giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Ông Phan Thành Đức	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/12/2015
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/12/2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Phan Thành Đức, Tổng giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thành Đức	Thành viên
Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 2/12/2015)
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 2/12/2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Số:90/2017/BC.KTTC-AASC.HCM

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức
 Tổng Giám đốc
 Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/12/2015
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		380.085.599.482	528.443.269.168
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	128.277.807.524	36.319.314.658
111	1. Tiền		25.592.807.524	16.087.314.658
112	2. Các khoản tương đương tiền		102.685.000.000	20.232.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		93.653.687.989	274.795.303.237
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	86.553.549.489	178.061.604.779
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.373.930.579	1.031.484.483
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.726.207.921	95.702.213.975
140	IV. Hàng tồn kho	8	142.576.619.054	198.188.595.725
141	1. Hàng tồn kho		142.576.619.054	198.188.595.725
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.577.484.915	19.140.055.548
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.860.556.457	3.341.790.009
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.716.928.458	13.214.841.930
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	2.583.423.609
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		124.849.276.310	78.052.284.562
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		57.251.345.014	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	57.251.345.014	-
220	II. Tài sản cố định		57.963.527.402	58.458.064.738
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	57.884.027.496	58.349.856.516
222	- Nguyên giá		210.269.143.369	199.971.245.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(152.385.115.873)	(141.621.388.618)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	79.499.906	108.208.222
228	- Nguyên giá		6.518.749.711	6.518.749.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.439.249.805)	(6.410.541.489)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		261.000.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		261.000.000	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.055.037.967	4.055.037.967
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.055.037.967	4.055.037.967
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.318.365.927	15.539.181.857
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.318.365.927	15.539.181.857
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		504.934.875.792	606.495.553.730

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/12/2015
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		329.391.228.049	486.365.219.471
310	I. Nợ ngắn hạn		329.359.037.516	486.203.698.271
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	63.670.685.497	77.679.297.853
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.130.021.760	504.002.211
314	3. Phải trả người lao động		70.795.317.786	49.685.995.631
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	268.738.355	351.153.690
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	638.246.598	4.986.510.121
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	188.779.385.177	342.006.624.130
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.076.642.343	10.990.114.635
330	II. Nợ dài hạn		32.190.533	161.521.200
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	32.190.533	161.521.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		175.543.647.743	120.130.334.259
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	175.543.647.743	120.130.334.259
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>120.000.000.000</i>	<i>120.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.413.313.484	-
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>55.413.313.484</i>	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		504.934.875.792	606.495.553.730



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.488.868.702.156	1.198.920.136.188
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.568.965.810	2.840.230.517
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.481.299.736.346	1.196.079.905.671
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.292.883.231.888	1.091.888.178.424
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		188.416.504.458	104.191.727.247
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	16.877.352.332	18.236.509.533
22	7. Chi phí tài chính	25	17.010.367.421	35.868.628.389
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.358.218.446	6.821.640.224
25	8. Chi phí bán hàng	26	15.143.932.930	26.692.618.515
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	84.896.373.749	49.083.336.421
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		88.243.182.690	10.783.653.455
31	11. Thu nhập khác	28	4.079.120.451	4.358.041.177
32	12. Chi phí khác	29	389.424.218	11.090.018
40	13. Lợi nhuận khác		3.689.696.233	4.346.951.159
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.932.878.923	15.130.604.614
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	18.648.896.106	3.109.560.227
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(129.330.667)	70.569.776
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		73.413.313.484	11.950.474.611
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	6.118	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 (đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		91.932.878.923	15.130.604.614
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.829.546.747	14.639.778.502
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các		2.170.916.229	(13.173.192)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.009.116.468)	(5.773.000.309)
06	- Chi phí lãi vay		5.358.218.446	6.821.640.224
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay		102.282.443.877	30.805.849.839
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		180.918.549.752	(76.940.685.503)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		55.611.976.671	(8.630.269.390)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.456.065.316	42.049.648.570
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.702.049.482	(8.983.608.150)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.440.633.781)	(6.882.044.919)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.050.659.839)	(4.789.203.659)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.698.319.494	23.431.453.875
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.653.814.257)	(12.613.975.243)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		320.524.296.715	(22.552.834.580)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và		(10.757.888.324)	(1.290.080.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		321.336.793	87.022.788
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(87.251.345.014)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.161.341.322	5.741.584.509
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(57.526.555.223)	4.538.527.297
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của		-	399.034.259
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.080.587.367.505	964.796.654.428
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.233.814.606.458)	(950.085.084.594)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.805.166.425)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(171.032.405.378)	15.110.604.093
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		91.965.336.114	(2.903.703.190)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36.319.314.658	39.209.844.656
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.843.248)	13.173.192
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	128.277.807.524	36.319.314.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 120.000.000.000 đồng; tương đương 12.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ còn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Mua bán máy móc ngành may mặc;
- Mua bán công nghệ thông tin trong ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Góp vốn, mua cổ phần.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Quyền sử dụng đất		Theo thời hạn quyền sử dụng đất
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong 12 tháng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được chịu thuế.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	306.092.221	220.637.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.286.715.303	15.866.677.650
Các khoản tương đương tiền	102.685.000.000	20.232.000.000
	128.277.807.524	36.319.314.658

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền có giá trị 102,685 tỷ VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại cổ phần có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,3% đến 5,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		01/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào liên kết				-
- Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương ⁽¹⁾	4.055.037.967	-	4.055.037.967	-
Đầu tư vào Đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân ⁽²⁾	-	-	-	-
	4.055.037.967	-	4.055.037.967	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương	Bình Dương	29,80%	29,80%	May mặc

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 VND do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và hoạt động kinh doanh của Công ty này có số lỗ lũy kế vượt vốn đầu tư của chủ sở hữu, Công ty này đang tạm ngưng hoạt động. Tuy nhiên tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân tại ngày 31/12/2016 vẫn là 13,19% .

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/12/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Happy International Trading Corporation	-	110.358.098.211
- Công ty Cổ phần Y phục doanh nhân	-	14.759.840.900
- Pacific Sunwear Of California, Inc	2.615.330.319	16.852.964.009
- Công ty CP Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương	-	145.217.500
- Tổng Công ty Sản xuất XNK Bình Dương - TNHH MTV	-	89.999.580
- Olymp Bezner GMBH & Co.KG Hopfighemer	11.839.988.316	19.620.992.997
- Pacificways Limited	312.906.092	9.894.311.046
- Sweet People Apparel, Inc Dba Miss Me	34.568.260.247	-
- Rcrv Inc Dba Rock Revival	20.402.145.967	-
- Phoenix Textile	4.554.237.312	-
- Goldmark Development Ltd	3.784.387.540	-
- Doojin Yangchang Co, Ltd	1.995.165.960	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.481.127.736	6.340.180.536
	86.553.549.489	178.061.604.779
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	235.217.080
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38		

6 . TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/12/2015
	VND	VND
- Juki Singapore Pte Ltd	956.643.834	-
- Tianjin Tiange Textile Co., Ltd	311.672.611	-
- Công ty TNHH An Phát	192.871.315	-
- Wide Way Textile Ltd	174.189.753	-
- Công ty TNHH MTV Sài Gòn Sông Bé	300.000.000	-
- Công ty TNHH Texlink International	-	891.724.859
- Trả trước người bán khác	438.553.066	139.759.624
	2.373.930.579	1.031.484.483

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/12/2015 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu KPCĐ	-	-	87.940.835	-
Phải thu về tạm ứng	859.570.228	-	2.635.422.207	-
Phải thu về bảo hiểm	2.903.143.798	-	103.950.731	-
Lãi dự thu	895.468.909	-	3.199.871.486	-
Phải thu Tổng Công ty Sản xuất và XNK Bình Dương - TNHH MTV	-	-	87.251.345.014	-
Phải thu Tổng Công ty Sản xuất và XNK Bình Dương - TNHH MTV về điều chuyển tài sản	-	-	2.276.959.162	-
Phải thu khác	68.024.986	-	146.724.540	-
	4.726.207.921	-	95.702.213.975	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	80.251.388.567	-	100.024.607.892	-
Công cụ, dụng cụ	208.537.371	-	114.829.419	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59.284.793.558	-	79.380.998.723	-
Thành phẩm	2.831.899.558	-	18.668.159.691	-
	142.576.619.054	-	198.188.595.725	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 142.576.619.054 VND

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	51.091.466.169	129.135.597.244	10.605.540.071	9.138.641.650	199.971.245.134
- Mua trong năm	-	6.908.106.104	1.854.086.000	1.059.369.365	9.821.561.469
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	675.326.855	-	-	-	675.326.855
- Thanh lý TSCĐ	-	-	(185.198.755)	(13.791.334)	(198.990.089)
Số dư cuối năm	51.766.793.024	136.043.703.348	12.274.427.316	10.184.219.681	210.269.143.369
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	31.025.575.068	98.068.956.675	6.645.110.604	5.881.746.271	141.621.388.618
- Khấu hao trong năm	3.030.880.125	6.176.435.138	854.115.186	739.407.982	10.800.838.431
- Thanh lý TSCĐ	-	-	(36.651.464)	(459.712)	(37.111.176)
Số dư cuối năm	34.056.455.193	104.245.391.813	7.462.574.326	6.620.694.541	152.385.115.873
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	20.065.891.101	31.066.640.569	3.960.429.467	3.256.895.379	58.349.856.516
Tại ngày cuối năm	17.710.337.831	31.798.311.535	4.811.852.990	3.563.525.140	57.884.027.496

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 25.244.273.800 VND

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	530.000.000	5.988.749.711	6.518.749.711
Số dư cuối năm	530.000.000	5.988.749.711	6.518.749.711
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	421.791.778	5.988.749.711	6.410.541.489
- Khấu hao trong năm	28.708.316	-	28.708.316
Số dư cuối năm	450.500.094	5.988.749.711	6.439.249.805
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	108.208.222	-	108.208.222
Tại ngày cuối năm	79.499.906	-	79.499.906

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/12/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.800.033.596	3.272.181.340
Phí bảo hiểm cháy nổ	59.552.984	61.425.016
Phí bảo hiểm hàng nhập khẩu	969.877	8.183.653
	1.860.556.457	3.341.790.009
b) Dài hạn		
Phân bổ công cụ dụng cụ	3.167.223.927	7.561.983.962
Thẻ hội viên sân Golf	2.151.142.000	2.199.664.000
Lợi thế kinh doanh	-	5.777.533.895
	5.318.365.927	15.539.181.857

12 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	30/06/2016	01/12/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Sản xuất và XNK Bình Dương - TNHH MTV	57.251.345.014	-
	57.251.345.014	-

(*) Theo hợp đồng vay vốn tín chấp số 01/HĐVV ngày 03/12/2015 Công ty cho Tổng Công ty Sản xuất và Xuất Nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV vay số tiền 87.251.345.014 VND với thời hạn 3 năm và lãi suất cho vay theo lãi suất tiền gửi Vietinbank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Trong kỳ, Tổng Công ty đã trả 30 tỷ VND nợ gốc

13 . VAY NGẮN HẠN

	01/12/2015		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	202.778.085.573	202.778.085.573	625.217.500.561	728.153.277.998	99.842.308.136	99.842.308.136
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽²⁾	31.743.520.437	31.743.520.437	105.758.112.757	120.788.563.007	16.713.070.187	16.713.070.187
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽³⁾	107.485.018.120	107.485.018.120	349.611.754.187	384.872.765.453	72.224.006.854	72.224.006.854
	342.006.624.130	342.006.624.130	1.080.587.367.505	1.233.814.606.458	188.779.385.177	188.779.385.177

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức vay	Mục đích vay	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2016 VND
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	số 16.2900109/2016-HĐTDHM/NHCT900-MMBD ngày 30/06/2016	400 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Theo từng khế ước nhận nợ	Máy móc thiết bị	99.842.308.136
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	Số 050B15 ngày 04/01/2016	60 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Theo từng khế ước nhận nợ	Máy móc thiết bị	16.713.070.187
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	01/2016/4675359/HĐHM ngày 10/06/2016	316 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Theo từng khế ước nhận nợ	Hàng tồn kho, công nợ phải thu, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi	72.224.006.854
							188.779.385.177

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Sky Ahead Limited	11.574.506.044	11.574.506.044	10.898.953.380	10.898.953.380
Công ty TNHH Twin Dragon Marketing	3.851.176.183	3.851.176.183	6.533.246.201	6.533.246.201
Công ty TCE Corporation	4.765.642.584	4.765.642.584	-	-
Công ty CP Gia công hoàn thiện may mặc Bình Dương	1.156.223.112	1.156.223.112	28.106.007.582	28.106.007.582
Công ty Cổ phần May thuê Phát Đạt	6.135.001.092	6.135.001.092	3.633.627.454	3.633.627.454
Công ty Itochu Corporation	-	-	4.625.974.701	4.625.974.701
Công ty CP may mặc và giặt Lê và Lê	15.887.481.236	15.887.481.236	-	-
Phải trả các đối tượng khác	20.300.655.246	20.300.655.246	23.881.488.535	23.881.488.535
	63.670.685.497	63.670.685.497	77.679.297.853	77.679.297.853
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.156.223.112	1.156.223.112	28.106.007.582	28.106.007.582
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)				

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm (đã điều chỉnh)	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.583.019.372	-	4.403.891.685	1.820.872.313	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	404.237	-	1.071.391.414	1.070.987.177	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	489.009.493	18.648.896.106	17.050.659.839	-	2.087.245.760
Thuế Thu nhập cá nhân	-	12.984.971	912.546.900	882.755.871	-	42.776.000
Thuế Tài nguyên	-	20.200	114.000	134.200	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.987.547	883.604.215	885.591.762	-	-
	2.583.423.609	504.002.211	25.920.444.320	21.711.001.162	-	2.130.021.760

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/12/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	188.738.355	271.153.690
- Chi phí phải trả khác	80.000.000	80.000.000
	268.738.355	351.153.690

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/12/2015 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội và y tế	139.946.623	892.603.417
- Phải trả về cổ phần hóa	-	121.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	-	3.748.500.602
- Phải trả tạm ứng tiền cổ tức đợt 1	194.833.575	-
- Phải trả Bà Lê Thị Huỳnh Như	303.466.400	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	224.406.102
	638.246.598	4.986.510.121

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	130.334.259	-	120.130.334.259
Lãi trong năm	-	-	73.413.313.484	73.413.313.484
Tạm ứng cổ tức (*)	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư cuối năm	120.000.000.000	130.334.259	55.413.313.484	175.543.647.743

(*) Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2016 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ theo Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐQT ngày 11/11/2016 của Hội đồng Quản trị.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	48,89	58.668.190.000	48,89	58.668.190.000
Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	30,00	36.000.000.000	30,00	36.000.000.000
Ông Hứa Tuấn Cường	10,00	12.000.000.000	10,00	12.000.000.000
Các cổ đông khác	11,11	13.331.810.000	11,11	13.331.810.000
	100	120.000.000.000	100	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	58.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	58.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/12/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	677.014,79	569.019,12
- Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	4.205,00	930,00

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.488.191.701.694	1.196.160.274.413
Doanh thu bán nguyên phụ liệu và phế liệu	677.000.462	1.139.133.140
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.620.728.635
	1.488.868.702.156	1.198.920.136.188
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	66.136.055	118.693.248

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	7.568.965.810	2.840.230.517
	7.568.965.810	2.840.230.517

22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.480.622.735.884	1.193.320.043.896
Doanh thu thuần bán nguyên phụ liệu và phế liệu	677.000.462	1.139.133.140
Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	1.620.728.635
	1.481.299.736.346	1.196.079.905.671

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.292.274.343.245	1.089.844.487.232
Giá vốn của nguyên phụ liệu - phế liệu đã bán	608.888.643	634.535.506
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.409.155.686
	1.292.883.231.888	1.091.888.178.424

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.272.938.745	5.043.000.309
Cổ tức, lợi nhuận được chia	584.000.000	730.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.020.413.587	12.463.509.224
	16.877.352.332	18.236.509.533

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.358.218.446	6.821.640.224
Lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư tại thời điểm cổ phần hóa	-	4.537.213.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.481.232.746	24.509.774.690
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	2.170.916.229	-
	17.010.367.421	35.868.628.389

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.833.092.202	5.150.836.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.310.840.728	20.228.814.821
Chi phí bằng tiền khác	-	1.312.967.531
	15.143.932.930	26.692.618.515

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	619.151.120	538.244.040
Chi phí nhân công	39.715.949.590	12.273.333.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	980.020.377	482.699.057
Thuế, phí, lệ phí	1.842.562.415	108.591.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.055.417.312	3.609.260.452
Chi phí khác bằng tiền	31.683.272.935	32.071.208.047
	84.896.373.749	49.083.336.421

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	152.177.723	40.089.416
Tiền bồi thường	2.775.758.799	3.892.404.885
Thu nhập khác	1.151.183.929	425.546.876
	4.079.120.451	4.358.041.177

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	383.172.339	4.436.364
Chi phí khác	6.251.879	6.653.654
	389.424.218	11.090.018

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.932.878.923	15.130.604.614
Các khoản điều chỉnh tăng	2.136.554.267	660.579.817
Các khoản điều chỉnh giảm	(824.952.666)	(1.656.819.761)
Thu nhập tính thuế TNDN	93.244.480.524	14.134.364.670
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.648.896.106	3.109.560.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	489.009.493	2.168.652.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(17.050.659.839)	(4.789.203.659)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.087.245.760	489.009.493

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	32.190.533	161.521.200
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.190.533	161.521.200

b) Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(129.330.667)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	70.569.776
	(129.330.667)	70.569.776

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016
	VND
Lợi nhuận sau thuế	73.413.313.484
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	73.413.313.484
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.118

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	761.570.757.575	631.848.352.568
Chi phí nhân công	255.130.357.048	196.332.989.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.829.546.747	14.592.845.130
Thuế và các khoản lệ phí	1.842.562.415	108.591.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.980.063.033	287.304.606.618
Chi phí khác bằng tiền	32.123.957.974	32.066.194.291
	1.356.477.244.792	1.162.253.579.530

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/12/2015 (đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.277.807.524	-	36.319.314.658	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91.279.757.410	-	273.763.818.754	-
Các khoản cho vay	57.251.345.014	-	-	-
	276.808.909.948	-	310.083.133.412	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/12/2015 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	188.779.385.177	342.006.624.130
Phải trả người bán, phải trả khác	64.308.932.095	82.665.807.974
Chi phí phải trả	268.738.355	351.153.690
	253.357.055.627	425.023.585.794

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.277.807.524	-	-	128.277.807.524
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91.279.757.410	-	-	91.279.757.410
Các khoản cho vay	-	57.251.345.014	-	57.251.345.014
	219.557.564.934	57.251.345.014	-	276.808.909.948
Tại ngày 01/12/2015 (đã điều chỉnh)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.319.314.658	-	-	36.319.314.658
Phải thu khách hàng, phải thu khác	273.763.818.754	-	-	273.763.818.754
	310.083.133.412	-	-	310.083.133.412

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	188.779.385.177	-	-	188.779.385.177
Phải trả người bán, phải trả khác	64.308.932.095	-	-	64.308.932.095
Chi phí phải trả	268.738.355	-	-	268.738.355
	253.357.055.627	-	-	253.357.055.627
Tại ngày 01/12/2015 (đã điều chỉnh)				
Vay và nợ	342.006.624.130	-	-	342.006.624.130
Phải trả người bán, phải trả khác	82.665.807.974	-	-	82.665.807.974
Chi phí phải trả	351.153.690	-	-	351.153.690
	425.023.585.794	-	-	425.023.585.794

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.080.587.367.505	964.796.654.428
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	1.233.814.606.458	950.085.084.594

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	(đã điều chỉnh) VND
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
- Nộp tiền bán cổ phần		-	119.139.366.741
- Chuyển TSCĐ nằm trên phần đất của Công ty mẹ		-	11.109.582.978
- Thuê TSCĐ nằm trên phần đất của Công ty mẹ		1.907.395.158	-
- Bán thành phẩm		66.136.055	81.817.800
- Thuê đất		1.430.000.000	1.210.000.000
- Thuê chung cư cho công nhân		2.383.333.334	2.016.666.666
- Lãi tiền cho vay		6.079.323.355	4.856.991.539
- Kinh phí công đoàn phải nộp		1.191.456.000	1.055.290.000
Công ty CP Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương	Công ty liên kết		
- Chi phí thuê gia công		146.832.234.734	152.603.351.943
- Thu tiền đặt cọc		-	2.500.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm		-	36.875.448
- Thu tiền hàng wash bị lỗi		1.484.571.517	2.631.097.330
- Thu cước hàng không, xuất hàng trễ		24.000.000	1.218.716.264
- Thu lãi đặt cọc		-	118.817.500

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/12/2015 (đã điều chỉnh) VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		-	235.217.080
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	89.999.580
Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	-	145.217.500
Phải thu ngắn hạn khác		895.468.909	87.251.345.014
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	895.468.909	87.251.345.014
Phải thu về cho vay dài hạn		57.251.345.014	-
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	57.251.345.014	-
Phải trả người bán ngắn hạn		1.156.223.112	28.106.007.582
Công ty CP Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	1.156.223.112	28.106.007.582
Phải trả khác		-	3.748.500.602
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	3.748.500.602
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2016 VND	Năm 2015
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		2.175.500.000	1.793.000.000

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/11/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Do năm tài chính 2015 bắt đầu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 và năm tài chính 2016 bắt đầu từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2016 nên số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là không thể so sánh được.

Ngoài ra một số chỉ tiêu đã được phân loại lại theo Biên bản giám sát Báo cáo tài chính của Tỉnh ủy Bình Dương ngày 06/04/2016, cụ thể như sau:

	Mã số	Biên bản giám sát Báo cáo tài chính VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
a) Bảng cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	136	95.702.213.975	104.602.763.657
Thuế GTGT được khấu trừ	152	13.214.841.930	15.797.861.613
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	2.583.423.609	1.681.037
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	504.002.211	489.446.754
Phải trả người lao động	314	49.685.995.631	49.700.257.402

Phải trả ngắn hạn khác	319	4.986.510.121	2.776.436.308
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	10.990.114.635	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	22.102.308.927
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Thu nhập khác	31	4.358.041.177	4.404.974.549
Chi phí khác	32	11.090.018	56.015.643
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.109.560.227	3.109.997.488
c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
Lợi nhuận trước thuế	01	15.130.604.614	15.132.612.361
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(76.940.685.503)	(74.357.666.131)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	42.049.648.570	39.464.621.451
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.613.975.243)	(12.613.975.243)





CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY



Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
0650. 3755 143
0650. 3755 415
info@protradegarment.com
<http://www.protradegarment.com>